



# SmartBright LED Batten G2

## BN012C LED10/WW L600 G2

SmartBright LED Batten G2, 10 W, 1000 lm, 3000 K, Góc rộng

Cho dù là để chiếu sáng một tòa nhà mới hay tân trang một không gian hiện có, thì khách hàng đều muốn có các giải pháp chiếu sáng mang lại ánh sáng chất lượng, đồng thời tiết kiệm đáng kể năng lượng và chi phí bảo trì. Dòng sản phẩm đèn batten LED mới này có thể được sử dụng để thay thế các đèn batten sử dụng bóng đèn huỳnh quang truyền thống. Quá trình lựa chọn, lắp đặt và bảo trì vô cùng dễ dàng – chỉ là một sự chuyển đổi đơn giản

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                   |                                   |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Nguồn sáng có thể thay thế        | Không                             |
| Số lượng bộ điều khiển            | 1 thiết bị                        |
| Bao gồm bộ điều khiển             | Có                                |
| Loại nguồn sáng                   | LED                               |
| Dấu CE                            | Dấu CE                            |
| Thời hạn bảo hành                 | 3 năm                             |
| Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ        | Nhiệt độ 650°C, thời lượng 5 giây |
| Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu  | Có                                |
| Thông tin kỹ thuật về đèn         |                                   |
| Quang thông                       | 1.000 lm                          |
| Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)      | 3000 K                            |
| Quang hiệu (định mức) (Danh định) | 100 lm/W                          |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)             | >80                               |
| Màu sắc nguồn sáng                | Ánh sáng trắng ấm                 |

| Loại quang                             | Góc rộng                     |
|----------------------------------------|------------------------------|
| Kiểu chụp quang học                    | Polycarbonate dạng thanh     |
| Độ lan tỏa của chùm sáng đèn           | 140°                         |
| Vận hành và điện                       |                              |
| Điện áp đầu vào                        | 220 đến 240 V                |
| Tần số dòng                            | 50 to 60 Hz                  |
| Mức tiêu thụ điện                      | 10 W                         |
| Hệ số công suất (Tỷ lệ)                | 0.8                          |
| Kết nối                                | Dây điện/cáp bay             |
| Cáp                                    | Cáp không có phích cắm 2 cực |
| Số lượng sản phẩm trên MCB 16 A loại B | 10                           |
| Nhiệt độ                               |                              |
| Dây nhiệt độ màu ánh sáng              | +20 đến +35°C                |

SmartBright LED Batten G2

|                                    |                        |
|------------------------------------|------------------------|
| Điều khiển và điều chỉnh độ sáng   |                        |
| Có thể điều chỉnh độ sáng          | Không                  |
| Trình điều khiển/bộ nguồn/biến thế | Bộ cấp nguồn (Bật/Tắt) |
| Giao diện điều khiển               | -                      |
| Công suất chiếu sáng liên tục      | Không                  |

|                               |                  |
|-------------------------------|------------------|
| Cơ khí và vỏ đèn              |                  |
| Vật liệu vỏ đèn               | Polyamide        |
| Vật liệu chóa quang học       | Polycarbonate    |
| Vật liệu chụp quang học       | Polyamide        |
| Vật liệu gắn cố định          | Thép             |
| Màu vỏ đèn                    | Trắng            |
| Lớp hoàn thiện chụp quang học | Trong suốt       |
| Chiều dài tổng thể            | 600 mm           |
| Chiều rộng tổng thể           | 30 mm            |
| Chiều cao tổng thể            | 37 mm            |
| Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) | 37 x 30 x 600 mm |

|                                |                        |
|--------------------------------|------------------------|
| Phê duyệt và ứng dụng          |                        |
| Mã bảo vệ chống xâm nhập       | IP20 [Bảo vệ ngón tay] |
| Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học | IK00 [Không bảo vệ]    |
| Cấp độ bảo vệ IEC              | Cấp an toàn II         |

|                                  |        |
|----------------------------------|--------|
| Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC) |        |
| Dung sai quang thông             | +/-10% |
| Màu sắc ban đầu                  | SDCM<6 |
| Dung sai mức tiêu thụ điện       | +/-10% |

|                                         |          |
|-----------------------------------------|----------|
| Hiệu suất theo thời gian (Tuân thủ IEC) |          |
| Tuổi thọ hữu ích trung bình L70B50      | 25.000 h |

|                    |               |
|--------------------|---------------|
| Điều kiện ứng dụng |               |
| Độ mờ tối đa       | Không áp dụng |

|                                    |                         |
|------------------------------------|-------------------------|
| Dữ liệu sản phẩm                   |                         |
| Tên sản phẩm khác                  | BN012C LED10/WW L600 G2 |
| Tên sản phẩm đầy đủ                | BN012C LED10/WW L600 G2 |
| Mã sản phẩm đầy đủ                 | 911401806997            |
| Mã đơn hàng                        | 911401806997            |
| Số vật liệu (12NC)                 | 911401806997            |
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1                       |
| EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp             | 8710163308050           |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 25                      |
| EAN/UPC - Vỏ                       | 8710163308357           |

Bản vẽ kích thước

